

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Trần Quang Khải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	320001	Khu Thị Mai A	x	12/09/2009	THCS Trần Nguyên Hãn	5.75	8.75	5.75	20.25
2	320002	Võ Thùy Nhã An	x	23/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	5.50	5.25	15.00
3	320003	Bùi Kim Anh	x	22/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.75	2.50	3.25	11.50
4	320004	Phạm Kim Anh	x	29/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	5.75	3.75	14.75
5	320005	Lê Mai Lan Anh	x	30/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.00	4.00	4.00	14.00
6	320006	Đỗ Ngọc Quỳnh Anh	x	07/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	8.00	5.25	20.25
7	320007	Trần Nguyễn Mai Anh	x	10/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	3.25	2.50	10.50
8	320008	Hồ Nguyễn Quỳnh Anh	x	03/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	6.75	3.50	16.00
9	320009	Trần Phạm Minh Anh	x	17/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	4.00	2.50	13.00
10	320010	Trần Quốc Anh		24/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	1.25	5.00	3.00	9.25
11	320011	Phạm Trâm Anh	x	18/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	5.50	3.50	15.75
12	320012	Lâm Hồng Ánh	x	15/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	5.00	4.50	15.50
13	320013	Hồ Tri Ân		03/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	6.50	2.25	14.75
14	320014	Nguyễn Chí Bảo		19/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.75	5.75	1.25	10.75
15	320015	Chu Gia Bảo		23/10/2010	THCS Mạc Đình Chi	4.50	2.75	2.50	9.75
16	320016	Đỗ Gia Bảo		04/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	7.25	4.75	18.25
17	320017	Vũ Gia Bảo		28/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.25	8.00	3.75	17.00
18	320018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		10/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	3.75	3.25	11.75
19	320019	Nguyễn Phước Gia Bảo		28/05/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.50	4.75	2.75	13.00
20	320020	Vũ Quốc Bảo		18/11/2010	THCS Phước Thắng	4.75	6.50	3.00	14.25
21	320021	Vũ Quốc Bảo		04/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.75	2.25	14.50
22	320022	Nguyễn Trí Bảo		31/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	7.75	2.25	15.50
23	320023	Phạm Lương Bằng		15/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	2.25	3.00	2.00	7.25
24	320024	Nguyễn Lê Quốc Bình		10/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	6.75	4.75	16.75
25	320025	Nguyễn Thanh Bình		29/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	7.00	4.50	16.00
26	320026	Võ Thị Bình	x	19/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	6.50	5.50	18.25
27	320027	Lê Nhã Ca	x	22/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.50	4.00	3.75	12.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
28	320028	Trần Nguyễn Gia Cảnh		18/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.75	5.75	1.75	12.25
29	320029	Phạm Bảo Châu		08/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	2.75	5.50	2.75	11.00
30	320030	Nguyễn Thị Bảo Châu	x	25/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	8.50	4.00	18.50
31	320031	La Hoàng Chung		26/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.25	3.75	3.00	11.00
32	320032	Nguyễn Tấn Chương		04/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.25	5.75	2.25	12.25
33	320033	Trần Quốc Cường		26/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.00	5.25	19.50
34	320034	Huỳnh Thành Danh		07/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	3.75	7.75	8.75	20.25
35	320035	Nguyễn Thành Danh		21/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.50	7.25	2.25	12.00
36	320036	Phạm Thị Thùy Dung	x	02/08/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.75	6.75	3.50	17.00
37	320037	Trần Ngọc Quốc Duy		26/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.00	3.75	18.00
38	320038	Phan Nguyễn Khánh Duy		01/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	6.25	2.00	12.00
39	320039	Lê Nhật Duy		30/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	5.50	2.25	12.50
40	320040	Nguyễn Nhật Duy		03/10/2009	THCS Nguyễn Thị Định	4.00	3.00	2.25	9.25
41	320041	Dương Thị Mỹ Duyên	x	14/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	7.00	4.00	17.00
42	320042	Nguyễn Chí Dũng		20/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.75	7.75	3.75	16.25
43	320043	Hoàng Tiến Dũng		26/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	6.25	5.25	17.75
44	320044	Nguyễn Trí Dũng		01/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	2.50	2.25	8.50
45	320045	Trần Thùy Dương	x	21/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.00	6.25	3.50	13.75
46	320046	Nguyễn Văn Dương		16/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	2.75	4.00	11.75
47	320047	Nguyễn Trung Đại		24/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	6.00	2.00	12.50
48	320048	Đỗ Mẫn Đạt		14/03/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	3.00	3.25	10.75
49	320049	Hồ Quốc Đạt		31/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	5.25	5.00	15.25
50	320050	Nguyễn Tấn Đạt		14/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	7.25	2.75	16.50
51	320051	Nguyễn Tấn Đạt		08/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	2.75	4.25	2.50	9.50
52	320052	Nguyễn Thành Đạt		10/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	4.25	2.75	13.75
53	320053	Vũ Thành Đạt		02/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	1.50	0.75	1.25	3.50
54	320054	Nguyễn Hoàng Minh Đăng		24/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.25	3.00	14.75
55	320055	Trần Lâm Đường		25/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	5.50	2.75	14.00
56	320056	Bùi Gia Đức		20/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	5.25	3.25	14.50
57	320057	Phạm Hoàng Đức		22/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	4.50	3.00	13.50
58	320058	Nguyễn Hòa Đức		14/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn				0.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
59	320059	Phạm Văn Đức		25/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	5.25	2.25	12.75
60	320060	Đinh Thị Hồng Giang	x	06/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	5.25	2.25	13.00
61	320061	Lê Văn Giàu		29/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.00	4.75	1.50	9.25
62	320062	Phạm Quang Hà		15/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.50	3.50	2.75	9.75
63	320063	Nguyễn Ngọc Hải		26/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	8.25	4.00	20.00
64	320064	Nguyễn Vũ Hoàng Hải		08/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	6.75	5.00	17.75
65	320065	Phạm Thị Hồng Hạnh	x	03/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	7.75	4.25	15.75
66	320066	Võ Thị Ngọc Hạnh	x	11/10/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	6.00	5.75	18.75
67	320067	Võ Thị Diễm Hằng	x	27/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.25	7.25	3.50	16.00
68	320068	Trần Thị Minh Hằng	x	09/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	6.75	4.50	16.50
69	320069	Trần Bảo Hân	x	15/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.25	6.50	2.25	14.00
70	320070	Đinh Hiếu Hân	x	20/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	4.75	2.50	11.75
71	320071	Nguyễn Hoàng Hân	x	13/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.50	5.25	5.75	14.50
72	320072	Ngô Ngọc Hân	x	25/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	6.75	5.00	17.75
73	320073	Trần Ngọc Bảo Hân	x	19/06/2010	THCS Trần Nguyên Hân	3.75	3.00	2.50	9.25
74	320074	Nguyễn Ngô Gia Hân	x	26/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.50	4.75	1.25	11.50
75	320075	Võ Nguyễn Kim Hân	x	01/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	6.50	6.25	18.50
76	320076	Đỗ Võ Thiên Hân	x	28/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.00	7.25	4.75	18.00
77	320077	Võ Hữu Hậu		07/07/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	5.25	3.00	13.75
78	320078	Lê Minh Hậu		16/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	4.50	4.75	2.25	11.50
79	320079	Nguyễn Trọng Hậu		13/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.25	6.75	5.25	17.25
80	320080	Vũ Khánh Hiền	x	04/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.50	4.25	3.50	11.25
81	320081	Nguyễn Thị Thu Hiền	x	08/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.25	7.50	3.00	13.75
82	320082	Nguyễn Thị Thu Hiền	x	12/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	5.75	2.50	14.25
83	320083	Phạm Thị Thu Hiền	x	03/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.25	5.75	3.00	13.00
84	320084	Phạm Công Hiếu		02/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.75	5.00	2.50	10.25
85	320085	Đặng Thanh Hiếu		30/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.50	6.50	2.75	14.75
86	320086	Hồ Trung Hiếu		22/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	6.75	4.25	17.50
87	320087	Nguyễn Văn Hiếu		06/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	1.25	1.75	7.50
88	320088	Trần Đức Hiệp		02/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.25	5.50	2.50	11.25
89	320089	Nguyễn Minh Hiệp		12/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.75	2.50	2.00	9.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
90	320090	Nguyễn Thị Thúy Hoa	x	30/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	4.75	3.50	12.25
91	320091	Nguyễn Huy Hoàng		05/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	5.75	3.25	14.75
92	320092	Vũ Huy Hoàng		26/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	4.50	1.75	11.50
93	320093	Trần Thanh Hoàng		29/06/2008	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.25	6.25	2.50	12.00
94	320094	Đinh Việt Hoàng		29/09/2010	THCS Phước Thắng	7.50	4.50	7.00	19.00
95	320095	Phạm Thị Trúc Hồ	x	23/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	7.00	3.25	16.00
96	320096	Võ Thị Hồng	x	09/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	4.50	2.50	11.50
97	320097	Nguyễn Thị Ánh Hồng	x	14/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	4.75	4.50	14.75
98	320098	Đậu Thị Thanh Huệ	x	22/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.75	6.75	3.75	15.25
99	320099	Nguyễn Đức Huy		12/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	8.25	4.00	16.75
100	320100	Trang Gia Huy		30/10/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	5.50	6.75	19.00
101	320101	Nguyễn Hoàng Huy		19/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	3.25	2.75	12.00
102	320102	Nguyễn Hoàng Huy		10/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	6.75	3.75	15.00
103	320103	Nguyễn Kiến Huy		13/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	6.25	3.25	15.25
104	320104	Đinh Nhật Huy		18/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.50	4.00	3.25	11.75
105	320105	Đào Quang Huy		09/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	6.50	4.25	15.00
106	320106	Vũ Quang Huy		31/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.50	7.50	4.25	17.25
107	320107	Đồng Quốc Huy		31/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	5.25	3.50	15.25
108	320108	Nguyễn Quốc Huy		28/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	3.75	2.75	11.75
109	320109	Nguyễn Quốc Huy		01/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.25	5.00	3.50	11.75
110	320110	Nguyễn Thái Hưng		24/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.25	8.75	4.25	20.25
111	320111	Đặng Thị Hương	x	09/10/2009	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	3.75	3.50	12.25
112	320112	Trần Hải Minh Hy		29/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	6.00	2.25	14.25
113	320113	Dương Gia Khang		15/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	4.75	6.50	15.75
114	320114	Hoàng Lê Minh Khang		09/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.50	5.00	17.00
115	320115	Vũ Phúc Khang		08/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	7.00	4.00	15.75
116	320116	Lê Tiến Chí Khang		05/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.50	7.25	5.75	17.50
117	320117	Nguyễn Tuấn Khang		11/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	5.00	0.50	9.50
118	320118	Lê Tuấn Việt Khang		25/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	3.50	4.25	1.25	9.00
119	320119	Bạch Vỹ Khang		22/04/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	6.25	3.50	15.50
120	320120	Hồ Xuân Khang		09/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	5.00	4.25	13.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
121	320121	Chiêm Bảo Khánh		23/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	7.50	2.75	16.75
122	320122	Mai Hoàng Khánh		16/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.25	5.25	3.25	11.75
123	320123	Trần Quốc Khánh		14/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	4.00	3.00	11.75
124	320124	Nguyễn Anh Khoa		29/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.50	6.50	3.25	15.25
125	320125	Lê Đăng Khoa		31/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.00	4.25	2.25	10.50
126	320126	Đinh Văn Khoa		02/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	5.50	2.75	12.50
127	320127	Lê Vũ Anh Khoa		13/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.25	4.75	5.75	15.75
128	320128	Trần Đăng Khôi		13/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	6.75	2.50	14.50
129	320129	Lâm Hoàng Mai Khuê	x	09/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.75	3.25	3.25	11.25
130	320130	Huỳnh Tú Khuê	x	03/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.75	4.00	2.50	11.25
131	320131	Nguyễn Anh Kiệt		16/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	6.00	7.00	17.75
132	320132	Trần Công Tuấn Kiệt		16/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	5.50	3.50	12.75
133	320133	Nguyễn Hồng Tuấn Kiệt		28/04/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	7.00	6.75	2.25	16.00
134	320134	Đặng Tuấn Kiệt		03/02/2010	THCS Trần Nguyên Hân				0.00
135	320135	Lý Tuấn Kiệt		05/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	3.75	2.75	10.25
136	320136	Đặng Thị Lan	x	09/10/2009	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	4.75	2.50	12.00
137	320137	Đỗ Văn Lâm		27/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	3.25	1.75	10.50
138	320138	Nguyễn Duy Lâm		21/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.50	6.50	5.00	17.00
139	320139	Nguyễn Trường Lâm		04/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.00	5.75	4.50	15.25
140	320140	Đỗ Tùng Lâm		28/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.75	5.25	2.50	10.50
141	320141	Trần Thị Ngọc Liên	x	05/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	6.00	2.00	14.25
142	320142	Nguyễn Phạm Ngọc Linh	x	08/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	5.50	3.50	15.50
143	320143	Bùi Thị Khánh Linh	x	18/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	1.75	1.25	8.00
144	320144	Đỗ Thùy Linh	x	02/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	2.00	6.75	4.25	13.00
145	320145	Trần Thùy Linh	x	17/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.50	5.00	2.50	13.00
146	320146	Tổng Vũ Khánh Linh	x	10/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	5.00	2.75	12.50
147	320147	Huỳnh Thị Mỹ Loan	x	10/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	2.50	2.00	9.00
148	320148	Nguyễn Phúc Lộc		02/04/2010	THCS Phạm Hồng Thái	2.75	2.00	1.25	6.00
149	320149	Ninh Phúc Lộc		18/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	6.75	2.00	14.75
150	320150	Nguyễn Tấn Lộc		11/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	5.75	2.75	15.25
151	320151	Phan Tiến Lộc		11/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	3.00	2.25	10.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
152	320152	Lê Thành Lợi		13/02/2008	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.00	6.00	1.00	10.00
153	320153	Lê Văn Lợi		24/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	5.75	1.50	13.00
154	320154	Phùng Hữu Lượng		21/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	8.25	4.50	18.00
155	320155	Vi Khánh Ly	x	18/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	8.25	5.25	20.25
156	320156	Hồ Nguyễn Khánh Ly	x	01/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	6.25	2.00	15.00
157	320157	Nguyễn Đức Tuấn Minh		23/01/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.25	3.00	2.50	10.75
158	320158	Nguyễn Hoàng Minh		28/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	6.25	2.75	14.75
159	320159	Nguyễn Hoàng Minh		13/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	4.50	3.75	13.25
160	320160	Trần Ngọc Minh		13/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.75	5.50	2.75	12.00
161	320161	Nguyễn Thị Minh	x	05/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	7.25	1.75	15.75
162	320162	Lâm Nguyễn Ái My	x	29/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	6.25	3.50	16.25
163	320163	Nguyễn Thị Trà My	x	10/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	6.75	4.00	17.75
164	320164	Nguyễn Trần Kiều My	x	10/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	4.50	6.25	15.00
165	320165	Phạm Thị Ngọc Mỹ	x	06/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	4.25	5.75	15.50
166	320166	Văn Thị Linh Na	x	06/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.00	6.50	4.25	15.75
167	320167	Nguyễn Hoàng Nam		10/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.00	5.50	3.75	14.25
168	320168	Vũ Hoàng Nhựt Nam		11/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	6.00	2.75	13.25
169	320169	Đoàn Phạm Hoài Nam		23/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	7.50	2.75	14.75
170	320170	Nguyễn Trung Thành Nam		04/06/2010	THCS Trần Nguyên Hân	3.75	8.75	4.25	16.75
171	320171	Trần Khánh Ngân	x	19/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.00	3.75	1.50	8.25
172	320172	Trần Kim Ngân	x	25/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	5.50	4.25	15.50
173	320173	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	x	10/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	6.25	3.50	13.50
174	320174	Lê Ngô Kim Ngân	x	28/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.00	6.00	3.50	13.50
175	320175	Phan Thanh Thu Ngân	x	16/11/2010	THCS Trần Nguyên Hân	4.25	3.50	3.25	11.00
176	320176	Trần Thị Kim Ngân	x	30/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	3.25	2.75	11.75
177	320177	Đặng Thị Thanh Ngân	x	20/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.00	4.25	2.25	9.50
178	320178	Thiêm Thị Tuyết Ngân	x	30/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.25	1.75	1.75	7.75
179	320179	Trần Đức Nghĩa		22/08/2009	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	3.50	3.75	11.25
180	320180	Nguyễn Văn Nghĩa		21/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	5.50	1.50	12.25
181	320181	Nguyễn Hoàng Như Ngọc	x	04/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	3.00	2.50	11.25
182	320182	Phạm Hoàng Yến Ngọc	x	22/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	2.50	3.75	10.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
183	320183	Trương Mỹ Ngọc	x	13/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.25	3.50	3.00	10.75
184	320184	Nguyễn Thị Bích Ngọc	x	26/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.75	5.50	2.25	12.50
185	320185	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	x	12/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	6.50	4.25	17.00
186	320186	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	x	13/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	5.25	2.00	11.50
187	320187	Đỗ Thị Kim Ngọc	x	23/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	6.00	3.75	16.50
188	320188	Lê Trần Bảo Ngọc	x	27/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.25	5.00	7.25	14.50
189	320189	Vũ Thị Thảo Nguyên	x	22/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	6.00	3.25	15.75
190	320190	Phạm Võ Thảo Nguyên	x	03/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.25	6.00	3.00	14.25
191	320191	Ngô Trần Minh Nguyệt	x	10/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	8.25	4.75	17.50
192	320192	Nguyễn Hạo Nhân		07/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	5.00	2.00	12.00
193	320193	Nguyễn Thiện Nhân		28/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	6.50	4.75	17.00
194	320194	Nguyễn Thị Nhẫn	x	21/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.75	5.75	5.25	14.75
195	320195	Huỳnh Minh Nhật		28/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	7.50	2.25	15.75
196	320196	Nguyễn Minh Nhật		05/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	8.50	2.50	16.25
197	320197	Nguyễn Minh Nhật		23/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	7.00	3.00	16.25
198	320198	Nguyễn Minh Nhật		16/11/2009	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	7.25	4.75	17.75
199	320199	Phạm Minh Nhật		10/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	5.25	3.50	14.25
200	320200	Trần Minh Nhật		28/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	8.25	5.50	21.00
201	320201	Bùi Ngọc Yến Nhi	x	14/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	4.00	3.75	12.75
202	320202	Hồ Thị Nhi	x	25/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	6.00	3.00	14.75
203	320203	Huỳnh Thị Yến Nhi	x	30/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	6.25	2.00	14.00
204	320204	Huỳnh Thị Yến Nhi	x	03/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	5.50	3.00	13.00
205	320205	Nguyễn Thị Yến Nhi	x	18/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	4.75	2.75	13.25
206	320206	Nguyễn Thị Yến Nhi	x	28/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.50	2.75	2.75	10.00
207	320207	Phạm Thị Yến Nhi	x	06/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	4.75	2.50	12.75
208	320208	Lê Thị Hồng Nhung	x	03/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	6.25	1.50	13.75
209	320209	Lê Thị Hồng Nhung	x	20/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	6.50	4.00	16.75
210	320210	Huỳnh Thị Thảo Nhung	x	25/10/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	1.50	2.25	10.00
211	320211	Nguyễn Tuyết Nhung	x	17/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	5.75	4.00	16.75
212	320212	Võ Ánh Như	x	12/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	8.25	5.25	18.50
213	320213	Cao Hồng Y Như	x	18/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.75	5.00	5.00	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
214	320214	Nguyễn Trúc Như	x	30/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	8.25	3.00	18.25
215	320215	Trần Đại Phát		02/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	7.75	6.75	20.25
216	320216	Nguyễn Phú Phát		30/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.50	4.25	2.25	12.00
217	320217	Đặng Tấn Phát		21/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.25	3.25	2.75	8.25
218	320218	Lò Văn Phi		28/01/2010	THCS Phước Thắng	7.25	6.25	7.25	21.75
219	320219	Lương Duy Phong		06/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.50	2.25	14.25
220	320220	Đinh Lê Tiến Phong		29/01/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.00	6.25	4.00	17.25
221	320221	Ngô Mạnh Phú		08/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.50	7.75	3.00	18.25
222	320222	Nguyễn Phạm Đình Phú		18/03/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	4.75	1.00	11.50
223	320223	Nguyễn Văn Phú		08/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.50	5.50	1.75	10.75
224	320224	Nguyễn Hoàng Phúc		13/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	2.25	4.00	11.75
225	320225	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc		27/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	6.25	4.00	17.75
226	320226	Phạm Trường Phúc		10/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.75	4.50	16.75
227	320227	Nguyễn Võ Phúc		12/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.75	6.25	1.50	12.50
228	320228	Lê Ngọc Phụng	x	20/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	4.50	2.00	11.50
229	320229	Nguyễn Khánh Phương	x	20/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	5.25	2.50	13.25
230	320230	Đinh Mai Trúc Phương	x	10/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	1.00	2.50	8.00
231	320231	Phan Nguyễn Ngọc Phương	x	28/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.75	3.75	2.75	11.25
232	320232	Lê Nhật Phương		13/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	6.50	3.00	15.25
233	320233	Phạm Thị Phương	x	25/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	8.00	7.25	3.50	18.75
234	320234	Nguyễn Thị Thanh Phương	x	18/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.50	6.50	3.75	15.75
235	320235	Phạm Minh Phước		16/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	7.25	3.00	17.00
236	320236	Phạm Quang Phước		24/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	6.00	2.25	12.75
237	320237	Đoàn Trần Hữu Phước		25/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	5.75	2.50	12.75
238	320238	Nguyễn Đình Phước		25/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	4.75	2.25	13.00
239	320239	Nguyễn Ngọc Mỹ Phước	x	23/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	6.75	1.25	13.75
240	320240	Bùi Duy Quang		18/07/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.50	5.75	3.75	15.00
241	320241	Đoàn Viết Quang		19/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	6.50	2.00	13.50
242	320242	Lê Anh Quân		28/07/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	3.00	2.50	3.50	9.00
243	320243	Lâm Hoàng Quân		13/06/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	7.50	2.50	15.75
244	320244	Trần Hoàng Quân		19/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	5.25	2.50	13.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
245	320245	Đặng Minh Quân		16/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	4.75	3.00	14.00
246	320246	Nguyễn Minh Quân		10/10/2010	THCS Phước Thắng	5.50	6.25	5.75	18.50
247	320247	Phạm Phan Hoàng Quân		22/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	6.00	1.50	14.00
248	320248	Lư Văn Quân		05/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	8.50	5.00	20.00
249	320249	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	x	18/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	7.50	4.75	18.75
250	320250	Nguyễn Lê Mai Quỳnh	x	30/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	4.25	2.75	11.50
251	320251	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	x	14/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	5.75	2.25	14.50
252	320252	Võ Nguyễn Như Quỳnh	x	23/04/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	7.75	3.00	18.00
253	320253	Phạm Thanh Quý		23/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	4.00	2.75	10.75
254	320254	Vũ Tấn Sang		14/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.00	5.75	4.00	13.75
255	320255	Bùi Phát Tài		23/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	6.25	2.75	15.25
256	320256	Hoàng Tấn Tài		30/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.50	6.75	3.00	13.25
257	320257	Nguyễn Tấn Tài		11/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	6.75	4.00	17.25
258	320258	Lê Minh Tâm		14/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	6.75	5.75	19.00
259	320259	Dương Ngọc Như Tâm	x	15/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	4.75	2.25	13.00
260	320260	Vũ Quyết Tâm		23/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	6.50	2.50	13.25
261	320261	Nguyễn Thị Thanh Tâm	x	17/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	2.50	2.25	8.75
262	320262	Tạ Hoàng Tân		23/11/2009	THCS Phạm Hồng Thái	5.25	5.50	3.00	13.75
263	320263	Nguyễn Đỗ Cao Tấn		29/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	6.00	2.75	14.50
264	320264	Trịnh Duy Thanh		11/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.00	5.75	3.50	15.25
265	320265	Nguyễn Thị Mai Thanh	x	22/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	6.25	4.00	16.00
266	320266	Nguyễn Chí Thành		24/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	2.25	5.50	4.25	12.00
267	320267	Lư Ngọc Thanh Thảo	x	10/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.75	6.00	3.50	14.25
268	320268	Trịnh Thanh Thảo	x	25/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	7.50	3.75	18.50
269	320269	Phạm Thị Hương Thảo	x	01/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	7.75	5.25	20.00
270	320270	Thái Thị Kim Thảo	x	27/08/2009	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	1.25	0.75	2.50	4.50
271	320271	Phạm Thị Thanh Thảo	x	14/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	5.00	1.75	12.50
272	320272	Nguyễn Văn Thảo		11/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.25	2.50	1.50	7.25
273	320273	Phạm Văn Thảo		27/04/2010	THCS Phạm Hồng Thái	2.25	2.50	2.50	7.25
274	320274	Quách An Thái		11/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	7.75	3.25	18.50
275	320275	Nguyễn Hoàng Thái		11/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	3.25	6.00	6.00	15.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
276	320276	Phạm Hồng Thái		11/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)				0.00
277	320277	Cao Thị Hồng Thắm	x	10/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	1.00	1.25	2.00	4.25
278	320278	Bùi Lê Thanh Thi	x	21/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	3.00	1.75	2.25	7.00
279	320279	Trần Hạo Thiên		06/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.50	5.25	3.75	13.50
280	320280	Lê Quang Thịnh		07/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	6.25	3.25	14.50
281	320281	Võ Thị Kim Thoa	x	07/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	2.50	2.50	11.25
282	320282	Ninh Phúc Thọ		18/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	7.00	3.50	16.25
283	320283	Phạm Thị Thu Thúy	x	30/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	6.25	2.50	15.00
284	320284	Đặng Anh Thư	x	23/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	1.25	1.25	7.25
285	320285	Ngô Anh Thư	x	07/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	7.75	4.00	18.75
286	320286	Ngô Hoàng Anh Thư	x	12/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	7.25	4.00	17.75
287	320287	Vũ Nguyễn Anh Thư	x	01/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	6.25	5.50	16.25
288	320288	Đỗ Phạm Minh Thư	x	11/11/2009	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	6.25	4.75	17.50
289	320289	Vũ Phạm Thị Anh Thư	x	19/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	1.25	4.75	3.50	9.50
290	320290	Vũ Quỳnh Anh Thư	x	24/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	3.50	1.75	11.25
291	320291	Hoàng Thị Anh Thư	x	16/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	8.25	7.00	2.75	18.00
292	320292	Trần Thị Anh Thư	x	02/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.00	7.25	4.00	17.25
293	320293	Nguyễn Lê Nguyên Thương	x	16/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	5.75	5.75	18.00
294	320294	Nguyễn Ngọc Kim Thương	x	22/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	5.50	4.00	15.75
295	320295	Nguyễn Thị Lệ Thương	x	18/12/2009	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	7.75	4.25	18.00
296	320296	Nguyễn Trung Thương		05/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	4.50	3.25	13.00
297	320297	Võ Xuân Thương	x	21/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	4.25	4.00	14.00
298	320298	Nguyễn Hoàng Bảo Thy	x	27/02/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.00	4.75	2.25	11.00
299	320299	Phạm Nguyễn Thủy Tiên	x	15/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	8.50	4.50	20.00
300	320300	Nguyễn Thị Tinh	x	24/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	5.00	3.50	14.25
301	320301	Huỳnh Thanh Tín		21/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	6.25	3.50	16.25
302	320302	Nguyễn Thành Tín		23/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	5.00	3.00	13.25
303	320303	Hoàng Thị Mai Trang	x	07/04/2009	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.50	1.75	2.00	7.25
304	320304	Hoàng Thị Thúy Trang	x	04/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	4.75	4.00	16.25
305	320305	Nguyễn Thúy Trang	x	24/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	6.00	4.00	16.50
306	320306	Nguyễn Xuân Trang	x	20/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	5.50	5.75	18.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
307	320307	Hà Yến Trang	x	24/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	6.50	3.75	15.75
308	320308	Ngô Ngọc Bảo Trâm	x	16/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	7.75	4.25	18.25
309	320309	Nguyễn Thị Bích Trâm	x	22/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	6.25	5.50	17.00
310	320310	Hồ Đoàn Bảo Trân	x	04/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	7.00	2.50	16.25
311	320311	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	x	27/06/2008	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	4.50	3.25	13.50
312	320312	Nguyễn Minh Triết		20/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	4.75	3.00	14.25
313	320313	Trần Lê Minh Trí		01/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.50	5.00	2.25	9.75
314	320314	Nguyễn Đức Trọng		06/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.75	2.00	2.50	7.25
315	320315	Nguyễn Hoàng Trọng		12/11/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.25	6.00	2.75	12.00
316	320316	Hoàng Hà Việt Trung		08/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.50	4.25	2.75	9.50
317	320317	Lê Nguyên Trung		14/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.50	6.00	3.75	15.25
318	320318	Nguyễn Xuân Trung		06/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	3.50	1.75	9.00
319	320319	Mai Thanh Trúc	x	30/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	3.50	2.25	12.25
320	320320	Nguyễn Thanh Trúc	x	11/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	1.50	2.75	3.25	7.50
321	320321	Nguyễn Anh Trường		19/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	5.50	3.50	14.00
322	320322	Lê Thành Tuấn		01/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	5.75	3.75	16.00
323	320323	Trần Duy Tuấn		24/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	5.25	2.75	13.00
324	320324	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn		06/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	6.00	3.00	14.50
325	320325	Nguyễn Mạnh Tuấn		27/04/2009	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.25	4.25	1.50	9.00
326	320326	Hồ Nguyễn Anh Tuấn		22/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.25	8.50	8.25	24.00
327	320327	Nguyễn Quốc Tuấn		08/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	6.00	3.00	14.00
328	320328	Bùi Gia Tuệ		03/12/2010	THCS Nguyễn Du	3.75	2.75	3.00	9.50
329	320329	Huỳnh Hòa Bích Tuyền	x	16/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	8.25	9.50	24.75
330	320330	Nguyễn Anh Tú		03/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.75	7.50	5.50	17.75
331	320331	Hồ Minh Tú		11/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.75	6.25	3.50	14.50
332	320332	Trần Thanh Tú		02/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	6.50	5.00	17.75
333	320333	Ngô Tuấn Tú		22/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.25	6.00	3.75	14.00
334	320334	Đặng Thị Xuân Tươi	x	26/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	4.25	2.75	12.50
335	320335	Nguyễn Thị Phương Uyên	x	21/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	5.75	3.50	14.75
336	320336	Mai Thị Thu Uyên	x	10/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.25	5.50	1.50	11.25
337	320337	Nguyễn Phạm Tường Vi	x	29/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	2.50	2.00	9.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
338	320338	Trần Đại Việt		09/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.75	6.00	4.50	14.25
339	320339	Phạm Minh Việt		08/06/2009	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	4.25	2.50	12.25
340	320340	Trần Quốc Việt		18/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	3.50	2.25	10.50
341	320341	Lê Bùi Phúc Vinh		18/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	5.25	2.25	13.75
342	320342	Hỷ Du Vinh		09/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.75	3.50	2.25	9.50
343	320343	Nguyễn Hoàng Vũ		12/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	7.25	5.00	17.50
344	320344	Nguyễn Tấn Vũ		01/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.00	5.50	3.75	13.25
345	320345	Lê Hùng Vương		04/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	8.75	4.75	19.00
346	320346	Nguyễn Quốc Vương		12/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.00	4.75	4.25	12.00
347	320347	Hoàng Khánh Vy	x	10/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.75	7.25	4.50	16.50
348	320348	Trần Thảo Vy	x	21/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	2.50	3.25	10.00
349	320349	Nguyễn Thị Thảo Vy	x	18/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	7.00	5.25	16.25
350	320350	Ngô Thị Tường Vy	x	02/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	1.50	2.75	2.50	6.75
351	320351	Vũ Trần Tường Vy	x	29/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	3.75	5.75	3.25	12.75
352	320352	Nguyễn Tường Vy	x	24/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.75	6.50	4.50	16.75
353	320353	Nguyễn Chí Vỹ		04/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.25	4.25	16.00
354	320354	Nguyễn Trí Vỹ		09/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.25	3.25	0.75	6.25
355	320355	Đường Ngũ Yến	x	08/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	4.75	3.25	14.75
356	320356	Mai Ngọc Như Ý	x	09/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	5.75	2.75	15.25
357	320357	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	01/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.25	2.50	3.00	8.75

Bảng này có 357 thí sinh. Có 354 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.